

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671003 - Thí nghiệm Vật lý đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Đình	Trung	3575030607	10/02/1993				Nợ HP
2	Lê Mạnh	Cường	3575031480	25/04/1993				Nợ HP
3	Lê Công	Báu	3575031620	07/09/1992				
4	Trần Minh	Thính	3575031714	20/01/1993				Nợ HP
5	Trần Thanh	Vinh	3575031716	11/06/1993		,00	,00	
6	Lê Phú Trường	Ân	3772050873	17/11/1995		1,00	1,00	
7	Bùi Văn	Cường	3772050978	10/05/1995		5,00	5,00	
8	Trần Minh	Thanh	3772050980	26/12/1995		5,00	5,00	
9	Lê Tiến	Vũ	3772050987	12/10/1995		1,00	1,00	
10	Huỳnh Thanh	Nguyên	3772050998	15/03/1995		4,30	4,30	
11	Trần Thành	Hiền	3772051010	13/05/1995		,00	,00	
12	Nguyễn Quang	Linh	3772051012	19/11/1993		3,30	3,30	
13	Phan Quốc	Vũ	3772051015	24/07/1995		,00	,00	
14	Nguyễn Đình	Kim	3772051020	20/05/1994		5,00	5,00	
15	Nguyễn Minh	Thuận	3772051027	23/09/1995		5,00	5,00	
16	Nguyễn Ngọc	Trung	3772051032	12/04/1995		1,00	1,00	
17	Lê Cát	Tường	3772051037	10/10/1995		1,00	1,00	
18	Đỗ Cao	Trí	3772051043	30/07/1995		4,00	4,00	
19	Lê Thành	Trung	3772051047	21/01/1994		1,00	1,00	
20	Đỗ Thành	Thy	3772051048	14/10/1995		5,00	5,00	
21	Nguyễn Hoàng	Huy	3772051053	21/10/1995		,00	,00	
22	Huỳnh Nhật	Minh	3772051054	23/12/1994		,00	,00	
23	Nguyễn Tiến	Nhật	3772051058	24/10/1995		,00	,00	
24	Nguyễn Văn	Hương	3772051061	29/08/1995		,00	,00	
25	Trần Huy	Hồng	3772051064	16/12/1995		5,00	5,00	
26	Đặng Nguyễn Quốc	Quang	3772051071	28/04/1995		5,30	5,30	
27	Lê Văn	Cảnh	3772051075	07/11/1995		5,00	5,00	
28	Phạm Quang	Hải	3772051077	25/12/1995		,00	,00	
29	Nguyễn Tấn	Tài	3772051081	02/07/1995		1,00	1,00	
30	Lại Văn	Trí	3772051082	20/10/1995		1,00	1,00	
31	Nguyễn Thành	Tâm	3772051084	10/02/1995		5,00	5,00	
32	Bùi Văn	Quỳnh	3772051088	10/02/1994		,00	,00	
33	Võ Công	Thọ	3772051092	26/03/1995		4,00	4,00	
34	Vũ Hoài	Nam	3772051094	31/10/1994		5,30	5,30	
35	Bùi Nhật	Linh	3772051095	08/10/1995		5,00	5,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Nghiệp	3772051101	14/11/1995		2,70	2,70	
37	Phạm Trần Công	Phú	3772051103	19/07/1995		1,00	1,00	
38	Son Anh	Khoa	3772051107	30/11/1995		4,30	4,30	
39	Quách Thuận	Cảnh	3772051108	23/02/1995		3,30	3,30	
40	Trần Thanh	Minh	3772051111	20/11/1995		3,70	3,70	
41	Nguyễn Anh	Ninh	3772051118	09/04/1995		5,00	5,00	
42	Trần Văn	Trí	3772051119	23/05/1995		1,00	1,00	
43	Đặng Thế	Trí	3772051132	20/02/1994		5,00	5,00	
44	Trần Đức	Nhật	3772051166	10/02/1995		1,00	1,00	
45	Lê Đình	Quyền	3772051170	15/02/1995		3,70	3,70	
46	Hà Quang	Chiến	3772051186	08/05/1995		3,30	3,30	
47	Phạm Trung	Cang	3772051187	25/09/1995		3,30	3,30	
48	Nguyễn Văn	Hùng	3772051192	20/08/1995		,00	,00	
49	Võ Thành	Lợi	3772051197	04/09/1995		,00	,00	
50	Phạm Quốc	Huy	3772051199	16/09/1994		5,00	5,00	
51	Trang Đoàn Đình	Thiện	3772051209	11/07/1995		1,00	1,00	
52	Đặng Quốc	Quý	3772051210	27/08/1994		5,30	5,30	
53	Phạm Văn	Thuận	3772051231	15/09/1995		,00	,00	
54	Nguyễn Tấn	Son	3772051278	26/06/1995		5,00	5,00	
55	Phạm Hữu	Tuân	3772051293	25/06/1995		1,00	1,00	
56	Nguyễn Hùng	Anh	3772051306	23/02/1993		3,30	3,30	
57	Hoàng Đại Gia	Long	3772051312	13/08/1995		1,00	1,00	
58	Nguyễn Nam	Trung	3772051349	05/02/1995		1,00	1,00	
59	Huỳnh Huy	Hoàng	3772051350	27/04/1994		5,00	5,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)